

# BÀN VỀ CHẾ ĐỊNH THỎA THUẬN TRỌNG TÀI - MỘT SỐ VƯỚNG MẮC VÀ HƯỚNG HOÀN THIỆN

● NGUYỄN THỊ VINH HƯƠNG

## TÓM TẮT:

Trọng tài là một trong những phương thức giải quyết tranh chấp thương mại phổ biến và có hiệu quả trong điều kiện tự do hóa thương mại hiện nay. Hiệu quả của hoạt động tố tụng trọng tài phụ thuộc một phần không nhỏ vào hiệu lực và chất lượng của thỏa thuận trọng tài. Bởi lẽ, thỏa thuận trọng tài là yếu tố then chốt, xuyên suốt toàn bộ hoạt động tố tụng trọng tài, kể từ lúc bắt đầu cho đến khi phán quyết trọng tài được công nhận và thi hành. Chính vì thế, hoàn thiện chế định pháp lý về thỏa thuận trọng tài là một trong những nội dung quan trọng trong việc hoàn thiện hành lang pháp lý về trọng tài thương mại nhằm hỗ trợ có hiệu quả hoạt động kinh doanh thương mại ở nước ta. Bài viết này bàn về chế định thỏa thuận trọng tài - một số vướng mắc trong thực tế và đề xuất phương hướng hoàn thiện trong thời gian tới.

**Từ khóa:** Trọng tài, tự do hóa thương mại, chế định pháp lý, trọng tài thương mại, thỏa thuận trọng tài.

## 1. Quy định về khái niệm thỏa thuận trọng tài

Luật Trọng tài thương mại 2010 (Luật TTTM 2010) (Khoản 2 Điều 3) đã có quy định mang tính định nghĩa về thỏa thuận trọng tài, cụ thể: “Thỏa thuận trọng tài là thỏa thuận giữa các bên về việc giải quyết bằng trọng tài tranh chấp có thể phát sinh hoặc đã phát sinh”. Theo đó, điều kiện tiên quyết để tranh chấp được giải quyết bằng trọng tài là sự tồn tại của một thỏa thuận trọng tài hợp pháp. Do đó, khi người khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết tranh chấp thì tòa án yêu cầu người

khởi kiện cho biết trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp các bên có thỏa thuận trọng tài hay không. Cách tiếp cận này hoàn toàn phù hợp với nguyên tắc đề cao tôn trọng và thỏa thuận của các bên.

Tuy nhiên, định nghĩa về thỏa thuận trọng tài mà Luật TTTM 2010 đưa ra còn rất chung chung, chưa khẳng định dứt khoát liệu các tranh chấp phát sinh từ quan hệ ngoài hợp đồng có được giải quyết bằng trọng tài hay không. Thực tiễn hoạt động thương mại đa dạng, phong phú cho thấy nhiều tranh chấp thương mại ngoài hợp đồng, ví dụ đến bù thiệt hại ngoài hợp đồng trong lĩnh vực

xây dựng, hàng hải, vận tải... cũng có thể được giải quyết bằng trọng tài theo ý chí của các bên liên quan, mặc dù các tranh chấp như vậy không xuất phát từ hành vi thương mại của thương nhân. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 7 Luật Mẫu của Ủy ban Luật Thương mại quốc tế của Liên hợp quốc (UNCITRAL), thì: “Thỏa thuận trọng tài là thỏa thuận mà các bên đưa ra trọng tài mọi tranh chấp nhất định phát sinh hoặc có thể phát sinh giữa các bên về quan hệ pháp lý xác định, dù là quan hệ hợp đồng hay không phải là quan hệ hợp đồng”. Hay tại Điều II Công ước New York 1958 về công nhận và thi hành quyết định của trọng tài nước ngoài cũng quy định rất rõ về vấn đề này: “Mỗi quốc gia thành viên sẽ công nhận một thỏa thuận bằng văn bản, theo đó các bên cam kết đưa ra trọng tài xét xử mọi tranh chấp đã hoặc có thể phát sinh giữa các bên từ một quan hệ pháp lý xác định, dù là quan hệ hợp đồng hay không, liên quan đến một đối tượng có khả năng giải quyết tranh chấp bằng trọng tài”.

Để hạn chế tối đa rủi ro trong việc áp dụng luật, Luật TTTM 2010 căn cứ sửa đổi theo hướng cụ thể hóa việc xác định thẩm quyền của trọng tài tương thích với pháp luật trọng tài quốc tế, nên quy định rõ ràng các tranh chấp phát sinh từ quan hệ thuộc phạm vi giải quyết tranh chấp của trọng tài thương mại thì dù là quan hệ hợp đồng hay không phải là quan hệ hợp đồng vẫn có thể được giải quyết bằng trọng tài.

## **2. Quy định về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài**

Khác với tòa án, trọng tài là một thiết chế tài phán tư, không phải cơ quan xét xử của Nhà nước, không mang quyền lực Nhà nước. Vì vậy, thẩm quyền của trọng tài là thẩm quyền hạn chế so với tòa án. Trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết những tranh chấp khi có thỏa thuận giữa các bên và tranh chấp đó thuộc thẩm quyền của trọng tài theo quy định của pháp luật. Điều 2 Luật TTTM 2010 quy định thẩm quyền giải quyết các tranh chấp của trọng tài là “1. Tranh chấp giữa các bên phát sinh từ hoạt động thương mại; 2. Tranh chấp phát sinh giữa các bên trong đó ít nhất một bên có hoạt động thương mại; 3. Tranh chấp khác giữa

các bên mà pháp luật quy định được giải quyết bằng trọng tài”.

Luật TTTM 2010 không định nghĩa khái niệm “hoạt động thương mại” như Pháp lệnh Trọng tài thương mại 2003 (Pháp lệnh TTTM 2003), do đó nhiều ý kiến cho rằng nên tiếp nhận khái niệm này theo Luật Thương mại 2005 nhưng dấu đó vẫn còn có những vướng mắc nhất định. Khái niệm hoạt động thương mại được nhắc đến trong Luật Thương mại 2005 “là hoạt động nhằm mục đích sinh lợi, bao gồm mua bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ, đầu tư, xúc tiến thương mại và các hoạt động nhằm mục đích sinh lợi khác”, trong khi còn có ý kiến cho rằng 2 văn bản này đang có phạm vi áp dụng khác nhau. Ngoài ra, việc xác định thẩm quyền của trọng tài thương mại còn gặp khó khăn ở chỗ “tranh chấp khác giữa các bên” mà Luật TTTM 2010 quy định giải quyết theo thủ tục trọng tài rất khó xác định trong pháp luật hiện hành của Việt Nam. Căn cứ văn bản giải thích, hướng dẫn cụ thể và chi tiết hơn để các bên tranh chấp có cách hiểu rõ ràng về thẩm quyền giải quyết tranh chấp của trọng tài.

## **3. Quy định về thỏa thuận trọng tài vô hiệu**

Về nguyên tắc, chỉ những thỏa thuận trọng tài hợp pháp mới là cơ sở cho thẩm quyền trọng tài, chúng có giá trị ràng buộc đối với các bên và được pháp luật bảo vệ. Theo Luật TTTM 2010, thỏa thuận trọng tài được coi là hợp pháp nếu nó không rơi vào các trường hợp vô hiệu của thỏa thuận trọng tài, cụ thể: “1. Tranh chấp phát sinh trong các lĩnh vực không thuộc thẩm quyền của Trọng tài quy định tại Điều 2 của Luật này; 2. Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có thẩm quyền theo quy định của pháp luật; 3. Người xác lập thỏa thuận trọng tài không có năng lực hành vi dân sự theo quy định của Bộ luật Dân sự; 4. Hình thức của thỏa thuận trọng tài không phù hợp với quy định tại Điều 16 của Luật này; 5. Một trong các bên bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài và có yêu cầu tuyên bố thỏa thuận trọng tài đó là vô hiệu; 6. Thỏa thuận trọng tài vi phạm điều cấm của pháp luật”.

Như vậy, Luật đã giới hạn lại các trường hợp làm thỏa thuận trọng tài vô hiệu (Điều 18 Luật TTTM 2010), đồng thời quy định hướng giải quyết khi thỏa thuận trọng tài không rõ ràng nhằm nâng cao tính khả thi trong thực tế. Tuy nhiên, một số quy định còn vướng mắc, bỏ sót một vài trường hợp có khả năng xảy ra dẫn đến thỏa thuận trọng tài vô hiệu, cần có sự sửa đổi hoặc quy định chi tiết hơn. Chẳng hạn: Khoản 5 Điều 18 Luật TTTM 2010 nên quy định theo hướng mở rộng hơn các khuyết tật của sự ưng thuận đó là trường hợp một trong các bên bị "nhầm lẫn" trong quá trình xác lập thỏa thuận trọng tài, làm đầy đủ hơn các trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Khoản 6 Điều 18 Luật TTTM 2010 quy định về thỏa thuận trọng tài vô hiệu do vi phạm điều cấm. Có 2 vấn đề cần chú ý đó là: Quy định cụ thể điều cấm của pháp luật là gì, rơi vào những trường hợp nào? Bên cạnh đó, về việc thỏa thuận trọng tài trái đạo đức xã hội tuy không được liệt kê trong các trường hợp dẫn đến thỏa thuận trọng tài vô hiệu, nhưng đối chiếu với thực tiễn, với các quy định trong Bộ luật Dân sự 2015 (BLDS 2015) và chính Điều 4 của Luật TTTM 2010 thì nên quy định thêm trường hợp này và đưa chung vào khoản 6 Điều 18 (cùng với vi phạm điều cấm).

#### **4. Quy định về thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được**

Điều 6 Luật TTTM 2010 quy định: "Trong trường hợp các bên tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài mà một bên khởi kiện tại tòa án thì tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu hoặc thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được". Chúng ta hiểu rằng khi thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì tòa án có thẩm quyền giải quyết. Quy định này một mặt tạo điều kiện cho trọng tài được phát triển vì tòa án sẽ không can thiệp vào vụ việc nếu các bên đã có thỏa thuận trọng tài. Mặt khác còn tạo điều kiện hỗ trợ nếu như thỏa thuận trọng tài ấy có sai sót khiến cho thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được. Tuy nhiên, cũng cần lưu ý là, trong trường hợp thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được thì ý chí đích thực của các bên vẫn

là muốn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài, vậy để tạo điều kiện cho các bên thể hiện đúng ý chí, pháp luật nên chăng có một cơ chế để hỗ trợ các bên sửa chữa sai sót. Ví dụ như có thể ấn định một thời gian nhất định để các bên cùng bàn bạc xác lập thỏa thuận trọng tài mới, nếu hết thời hạn trên mà không có thỏa thuận mới thì tòa án sẽ thụ lý giải quyết vụ án. Có thể quy định cụ thể như sau: "Nếu vụ tranh chấp đã có thỏa thuận trọng tài, mà một bên khởi kiện tại tòa án thì tòa án phải từ chối thụ lý, trừ trường hợp thỏa thuận trọng tài vô hiệu. Trường hợp thỏa thuận trọng tài không thực hiện được hoặc không thể thực hiện được thì tòa án nhận đơn và thông báo cho các bên biết để bàn bạc xác lập thỏa thuận trọng tài mới và nộp cho tòa án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được thông báo; hết thời hạn này mà không có thỏa thuận mới thì tòa án thụ lý vụ án giải quyết". Như vậy, khi thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được, nếu vẫn muốn trọng tài giải quyết tranh chấp thì các bên hoàn toàn có quyền xác lập một thỏa thuận khác, các bên sẽ được tạo điều kiện tối đa để thể hiện mong muốn và sự tự định đoạt của mình.

Một vấn đề nữa về "thỏa thuận trọng tài không thực hiện được" đó là không có định nghĩa hay giải thích chính thức thế nào là "không thực hiện được". Cách hiểu về loại thỏa thuận này trong thực tế mới chỉ dựa trên cơ sở suy đoán thực tiễn và một vài hướng dẫn ngắn gọn về một số trường hợp thỏa thuận trọng tài không rõ ràng hoặc không thể thực hiện được trong Khoản 3, 4, 5 Điều 43 Luật TTTM 2010. Tương tự, ngày 20/3/2014, Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao ban hành Nghị quyết số 01/2014/NQ-HĐTP hướng dẫn thi hành một số quy định Luật TTTM 2010 có hướng dẫn cụ thể về các trường hợp thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được (Điều 4), theo đó các trường hợp thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được tăng lên 3 trường hợp so với Điều 43 Luật TTTM 2010. Tuy nhiên, quy định này vẫn chỉ được xây dựng theo hướng liệt kê mà chưa khái quát được "thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được" là gì? Việc xây dựng điều luật theo hướng liệt kê giúp

xác định các trường hợp thỏa thuận trọng tài không thể thực hiện được một cách cụ thể, rõ ràng nhưng hoàn toàn có thể dẫn đến việc liệt kê thiếu các trường hợp được xác định là không thể thực hiện được. Ví dụ như trường hợp các bên thỏa thuận trung tâm trọng tài cụ thể nhưng lĩnh vực tranh chấp đó không thuộc phạm vi giải quyết quy định trong quy chế của trung tâm trọng tài đó; các bên chọn cách thức giải quyết bằng cả trọng tài lẫn tòa án hoặc chỉ rõ nhiều trung tâm trọng tài và cách thức giải quyết trong tài trong cùng một thỏa thuận trọng tài. Sự thiếu sót này gây cản trở các bên trong việc áp dụng pháp luật để xác định trường hợp nào thỏa thuận trọng tài không thực hiện được để họ cân nhắc trước khi xây dựng thỏa thuận trọng tài. Nên chăng cần bổ sung và làm rõ khái niệm thế nào là "thỏa thuận trọng tài không thực hiện được" để các bên tranh chấp cũng như trọng tài viên dễ dàng áp dụng và đối chiếu khi giải quyết tranh chấp.

#### **5. Quy định về luật áp dụng cho thỏa thuận trọng tài**

Luật TTTM 2010 đã đưa pháp luật về trọng tài của nước ta tiến gần hơn các chuẩn mực quốc tế thông qua việc nâng cao hơn nữa quyền tự định đoạt của các bên, mặc dù vậy một số quy định trong Luật, cụ thể là những quy định về Luật áp dụng trong trọng tài thương mại đặc biệt là trọng tài thương mại quốc tế lại chưa được rõ ràng, gây khó khăn cho quá trình áp dụng trên thực tiễn. Nhất là khi luật áp dụng đối với thỏa thuận trọng tài và luật điều chỉnh nội dung hợp đồng trong các hợp đồng thương mại quốc tế là khác nhau. Trên thực tế các bên dường như chỉ quan tâm thỏa thuận luật điều chỉnh nội dung hợp đồng mà chưa dành sự quan tâm đáng kể cho luật điều chỉnh thỏa thuận trọng tài. Ngoài trừ trường hợp xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài khi có đơn yêu cầu không công nhân và cho thi hành phán quyết trọng tài được quy định cụ thể, các trường hợp khác như hội đồng trọng tài xem xét hiệu lực của thỏa thuận trọng tài hay tòa án tuyên hủy phán quyết trọng tài do thỏa thuận trọng tài vô hiệu đều thiếu vắng những quy định về luật áp dụng cho thỏa thuận trọng tài. Đây là một nội

dung rất quan trọng, nếu không được giải quyết đúng đắn sẽ ảnh hưởng rất lớn đến quá trình trọng tài, cũng như khả năng có hiệu lực của phán quyết trọng tài.

Do vậy, căn cứ xác định luật áp dụng cho thỏa thuận trọng tài, cần được quy định rõ trong luật theo hướng, trước tiên là ưu tiên sự lựa chọn của các bên, tạo cơ sở pháp lý cho phép các bên tự do lựa chọn luật áp dụng cho thỏa thuận trọng tài. Bên cạnh đó, việc xem xét luật điều chỉnh hiệu lực của thỏa thuận trọng tài còn phụ thuộc vào từng giai đoạn tố tụng trọng tài và sẽ có những quyết định riêng rẽ, chẳng hạn, luật nơi tiến hành trọng tài (thường đồng thời là nơi phán quyết trọng tài được tuyên), luật nơi phán quyết được tuyên, luật điều chỉnh nội dung tranh chấp.... Vì vậy, để tránh những rắc rối có thể phát sinh trong quá trình tố tụng, khi giao kết hợp đồng, đặc biệt là hợp đồng thương mại quốc tế, các bên nên thỏa thuận rõ và pháp luật trọng tài cần có một quy định riêng, cụ thể về luật điều chỉnh đối với thỏa thuận trọng tài, chẳng hạn như quy định khi không có sự thỏa thuận của các bên thì luật của nước nơi tiến hành trọng tài sẽ có giá trị điều chỉnh thay thế.

Khi đó, quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 68 sẽ được sửa lại như sau: phán quyết trọng tài bị hủy nếu "không có thỏa thuận trọng tài hoặc một bên của thỏa thuận không có năng lực ký kết thỏa thuận trọng tài hoặc thỏa thuận trọng tài vô hiệu theo pháp luật mà các bên lựa chọn áp dụng cho thỏa thuận trọng tài đó, hoặc nếu không lựa chọn, theo pháp luật Việt Nam". Điều luật này áp dụng đối với những phán quyết trọng tài được tuyên tại Việt Nam và có yêu cầu cho thi hành tại Việt Nam. Vì vậy, việc áp dụng pháp luật Việt Nam đối với vấn đề hiệu lực của thỏa thuận trọng tài khi không có sự thỏa thuận về luật áp dụng là phù hợp. Quy định như vậy cũng là phù hợp với Luật Mẫu của UNCITRAL (Điều 34) và pháp luật trọng tài của nhiều nước trên thế giới.

Bên cạnh đó, Luật TTTM 2010 nên có một quy định mang tính chỉ dẫn về việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài tại Việt Nam. Do đã có các quy định chi tiết trong Bộ luật Tố

tụng Dân sự (BLTTDS), nên Luật chỉ cần quy định ngắn gọn là: “Việc công nhận và cho thi hành phán quyết trọng tài nước ngoài tại Việt Nam được thực hiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự”. Như vậy, sẽ giúp các bên dễ dàng có được thông tin mình cần mà không phải mất nhiều thời gian tìm kiếm xem phải làm gì khi muốn tòa án công nhận và cho thi hành một phán quyết trọng tài nước ngoài.

### **6. Quy định về thời điểm có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài**

Luật TTTM 2010 chưa hề đề cập đến thời điểm có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài riêng biệt, liệu sẽ trùng khớp thời điểm có hiệu lực của hợp đồng hay chính là thời điểm ký thỏa thuận trọng tài? Sự độc lập giữa thỏa thuận trọng tài và hợp đồng chính có ý nghĩa gì? Việc xác định yếu tố thời điểm có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài trở nên quan trọng, vì không chỉ là xác định thời điểm các bên phải thực hiện nghĩa vụ phát sinh từ thỏa thuận trọng tài mà còn là thời điểm xác định luật nào áp dụng, nhất là trong bối cảnh đang có sự sửa đổi, bổ sung Luật và các văn bản hướng dẫn thi hành.

BLDS 2015 có quy định rất rõ ràng về thời điểm có hiệu lực của hợp đồng dân sự. Điều 401 BLDS 2015 quy định: “Hợp đồng được giao kết hợp pháp có hiệu lực từ thời điểm giao kết, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc luật liên quan có quy định khác.”. Theo đó, Điều 400 BLDS 2015 quy định về thời điểm giao kết hợp đồng dân sự như sau: “1. Hợp đồng được giao kết vào thời điểm bên đề nghị nhận được chấp nhận giao kết; 2. Trường hợp các bên có thỏa thuận im

lặng là sự trả lời chấp nhận giao kết hợp đồng trong một thời hạn thì thời điểm giao kết hợp đồng là thời điểm cuối cùng của thời hạn đó; 3. Thời điểm giao kết hợp đồng bằng lời nói là thời điểm các bên đã thỏa thuận về nội dung của hợp đồng; 4. Thời điểm giao kết hợp đồng bằng văn bản là thời điểm bên sau cùng ký vào văn bản hay bằng hình thức chấp nhận khác được thể hiện trên văn bản. Trường hợp hợp đồng giao kết bằng lời nói và sau đó được xác lập bằng văn bản thì thời điểm giao kết hợp đồng được xác định theo khoản 3 Điều này. Về thời điểm có hiệu lực của thỏa thuận trọng tài riêng biệt có được áp dụng các quy định nêu trên của BLDS 2015 hay không? Thiết nghĩ, vấn đề này nên được làm rõ trong văn bản hướng dẫn thi hành Luật TTTM 2010.

Có thể nhận thấy, trong thời gian qua các nhà soạn thảo và nhà lập pháp của Việt Nam đã rất kỳ công trong việc nghiên cứu, hoàn thiện pháp luật trọng tài, khắc phục những tồn tại, hạn chế của Pháp lệnh TTTM 2003, đồng thời mạnh dạn đổi mới, tiếp thu có chọn lọc những quy định, thông lệ trọng tài thương mại tốt trên thế giới. Trên cơ sở đó, đã ghi nhận và bảo đảm cho thỏa thuận trọng tài có một vị trí pháp lý đặc biệt. Mặc dù vậy, đối chiếu với yêu cầu phát triển kinh tế, xã hội, yêu cầu mở rộng giao lưu kinh tế, thương mại, cũng như qua thực tiễn áp dụng, chế định thỏa thuận trọng tài hiện nay cũng đang tiếp tục bộc lộ những tồn tại, hạn chế cần được sửa đổi, bổ sung và hoàn thiện, qua đó, giúp các nhà đầu tư trong và ngoài nước yên tâm hơn khi tiến hành đầu tư, kinh doanh tại Việt Nam ■

### **TÀI LIỆU THAM KHẢO:**

1. Đỗ Văn Đại và Trần Hoàng Hải (2011), *Pháp luật Việt Nam về trọng tài thương mại*, NXB Chính trị quốc gia, Hà Nội.
2. Nguyễn Thị Vinh Hương (2013), *Hoàn thiện quy định pháp luật về thỏa thuận trọng tài trong giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại*, Luận văn Thạc sĩ Luật học, Học viện Khoa học xã hội.
3. Nguyễn Đình Thơ (2007), *Hoàn thiện pháp luật về trọng tài thương mại của Việt Nam trong điều kiện hội nhập kinh tế quốc tế*, Luận án Tiến sĩ Luật học, Trường Đại học Luật Hà Nội.

4. Trung tâm Trọng tài Quốc tế Việt nam (VIAC) và Trung tâm Thương mại Quốc tế ITC (2008). Trọng tài và các phương thức giải quyết tranh chấp lựa chọn.

5. VCCI - VIAC - DANISA (2010). Hội thảo "Thực tiễn giải quyết tranh chấp bằng trọng tài thương mại và cơ chế thi hành phán quyết trọng tài"

**Ngày nhận bài: 23/5/2019**

**Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 3/6/2019**

**Ngày chấp nhận đăng bài: 13/6/2019**

*Thông tin tác giả:*

**ThS. NGUYỄN THỊ VINH HƯƠNG**

**Trường Đại học Thương mại**

## **DISCUSSING THE LEGAL REGIME ON ARBITRATION AGREEMENT: SOME ISSUES AND SOLUTIONS**

● **Master. NGUYEN THI VINH HUONG**

Thuongmai University

### **ABSTRACT:**

Arbitration is one of the most popular and effective methods of commercial dispute resolution in the context of current trade liberalization. The effectiveness of arbitration proceedings greatly depends in the validity and quality of the arbitration agreement. This is because the arbitration agreement is a key factor in the entire arbitration proceedings. Therefore, it is very important for Vietnam to complete the legal regime on arbitration agreement in order to complete the legal framework for commercial arbitration, effectively supporting commercial business activities in Vietnam. This article discusses some problems related to the arbitration agreements and presents some solutions to solve these problems.

**Keywords:** Arbitration, trade liberalization, legal regulation, commercial arbitration, arbitration agreement.